TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-PT
Ngày 23-9-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bồi thường thiệt hại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bồi thường thiệt hại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2022/QĐ-PT ngày 15-8-2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 55/2022/QĐ-PT ngày 30-8-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị N (Hoàng Thị C1, Hoàng Thị C2); địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hoàng Văn P; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 28-10-2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Bích T - Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn K; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (đã chết ngày 27-8-2022).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn:

1. Bà Hà Thúy M (Hà Thị M); vắng mặt;

2. Chị Lành Thị Đ; có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thúy M (Hà Thị M): Anh Hoàng Quốc H; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lương Thị H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Văn P; có mặt;

2. Chị Hoàng Thị D; vắng mặt;

3. Anh Hoàng Văn Đ; vắng mặt;

4. Chị Hoàng Thị M; có mặt;

5. Anh Hoàng Văn B; có mặt;

6. Bà Hà Thúy M (Hà Thị M); vắng mặt.

7. Chị Lành Thị Đ; có mặt.

8. Anh Hoàng Quốc H; có mặt.

9. Chị Mã Thị L; có mặt.

10. Bà Hà Thị T; vắng mặt.

11. Anh Hoàng Văn H; vắng mặt.

12. Anh Hoàng Văn T; vắng mặt.

13. Chị Hoàng Thị S; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

14. Anh Hoàng Văn H; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

15. Chị Hoàng Thị Đ; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Chị Hoàng Thị Y; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

17. Chị Hoàng Thị L; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

18. Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Văn H - Công chức Tư pháp xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 20-01-2022); vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Hoàng Văn K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Hoàng Thị N và người đại diện theo ủy quyền là anh Hoàng Văn P trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do cụ Hoàng Văn H (đã chết năm 1949) và cụ Lương Thị K (đã chết năm 1987) để lại cho ông Hoàng Văn A (đã chết năm 2014) và bà Hoàng Thị N quản lý và sử dụng. Trước năm 1986, gia đình bà trồng ngô, bông, sắn. Từ năm 1986, chuyển sang trồng hồi rải rác hàng năm khoảng 10 cây. Năm 1997, được Nhà nước giao sổ bìa xanh cho chồng bà là ông Hoàng Văn A; sau đó, nhà nước thu hồi lại sổ bìa xanh để thực hiện cấp sổ bìa đỏ, nhưng đến nay vẫn chưa được cấp sổ bìa đỏ. Do sổ bìa xanh đã mất và chưa được cấp sổ bìa đỏ nên không nhớ lô, thửa nào. Chỉ biết tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc: Giáp với đường đi vào rừng B. Phía Đông: Giáp với khe rừng ông Hoàng Văn Q, Hoàng Văn H. Phía Nam: Giáp với rừng Hoàng Văn K, Hoàng Văn H. Phía Tây: Giáp với rừng ông Hoàng Văn B. Năm 1999, anh Hoàng Văn B, Hoàng Văn H trồng hồi được Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện V cấp theo dự án PAM (5322), trồng hết khu rừng và gia đình bà quản lý, sử dụng đất thường xuyên. Từ năm 2000-2001, anh Hoàng Văn B tiếp tục trồng dặm hồi. Từ tháng 8/2017, phát sinh tranh chấp, do gia đình bà thu hoạch hồi thì gặp bị đơn cũng đang thu hoạch hồi trên đất tranh chấp. Ngày 13/8/2017, đã tiến hành hòa giải tại xã nhưng không thành. Ngày 07/7/2021, UBND xã K, huyện V lập biên bản về việc hai bên thỏa thuận "Trong thời gian chờ giải quyết không bên nào được chèo hái hoặc tự ý phát quang, trồng dặm, bên nào không thực hiện theo thỏa thuận thì phải bồi thường 300kg hoa hồi".

Nguyên đơn yêu cầu quản lý, sử dụng đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất, yêu cầu bị đơn bồi thường 300kg hoa hồi (giá 35.000 đồng/1 kg) với tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn bồi thường 300kg hoa hồi với giá trị 10.500.000 đồng nữa; yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 1.566,8m^2 thuộc thửa 377 địa danh L, thôn Đ, xã K và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp. Yêu cầu anh Hoàng Văn K chấm dứt hành vi tranh chấp này.

Bị đơn anh Hoàng Văn K trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông nội là Lương Văn T để lại. Ngày 15 tháng giêng năm Nhâm Tuất (1982) gia đình gồm có nguyên đơn bà Hoàng Thị N (Hoàng Thị C2), bà Hoàng Thị Hảo và ông Hoàng Văn Đ họp gia phân chia tài sản của bố, mẹ để lại. Bố của bị đơn là ông Hoàng Văn Đ (đã chết năm 2005) và mẹ là bà Hà Thúy M. Ông Hoàng Văn Đ được chia nhà, đất ruộng và được chia "đất rừng L phần trên nương rẫy và trồng trọt khác", nguyên đơn bà Hoàng Thị N (Hoàng Thị C2) được chia 01 thửa ruộng 03 sào tại N. Việc phân chia tài sản có mặt đại diện họ hàng ông Hoàng Nam T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn P và được lập biên bản. Bố mẹ của bị đơn quản lý, sử dụng ổn định đất được phân chia và đã được cấp sổ bìa xanh (không nhớ năm), sau đó được UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 06/5/2003 cho hộ ông Hoàng Văn Đ. Về quá trình quản lý sử dụng, năm 1986, bố bị đơn trồng hồi. Năm 1999-2000, được cấp cây hồi theo dự án PAM, tiếp tục trồng trên thửa đất tranh chấp. Ngoài ra, trên đất còn có cây sở do bố bị đơn trồng rải rác các năm và cây tạp khác. Bị đơn được cùng bố, mẹ lên rừng quản

lý, sử dụng, thu hoạch hoa hồi hàng năm, mỗi năm phát rừng 02 lần. Năm 2010, tiếp tục trồng dặm cây hồi. Hiện nay, diện tích đang tranh chấp do bị đơn quản lý, từ trước đến nay không thấy gia đình nguyên đơn lên khu rừng này bao giờ. Năm 2017, gia đình nguyên đến tranh hái hồi nên phát sinh tranh chấp.

Bị đơn nhất trí với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường 300kg hoa hồi trị giá 10.500.000 đồng. Các yêu cầu khác của phía nguyên đơn thì phía bị đơn không nhất trí và yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 1.566,8m^2 và yêu cầu sở hữu các tài sản trên phần đất L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn B, Hoàng Văn H, chị Hoàng Thị Đ, Hoàng Thị M, Hoàng Thị D nhất trí ý kiến nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn Hoàng Quốc H, chị Lành Thị Đ, Mã Thị L nhất trí ý kiến bị đơn.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23-11-2021, xác định: Đất tranh chấp có tổng diện tích là 1.566,8m² tại L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nằm trong một phần thửa số 377 có diện tích 1.566,8m^2, thuộc tờ bản đồ Lâm nghiệp số 01 xã K, huyện V, là đất rừng sản xuất. Tài sản trên đất gồm: 71 cây Hồi (nguyên đơn, bị đơn đều khai trồng năm 1986, 1999, 2000 và trồng dặm hàng năm); 73 cây sở (hai bên đều khai có cây được trồng, có cây tự mọc); 02 cây tạp (Khảo cài); 09 cây tạp (Khảo cài đã bị vặn gốc chết).

Tại kết luận giám định tư pháp ngày 27-12-2021 và kết luận giám định bổ sung ngày 16-4-2022 xác định: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 1.566,8m^2 thuộc một phần thửa số 377, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 xã Khánh Khê thuộc địa danh L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tương ứng một phần lô 74. Diện tích đất tranh chấp 1.566,8m^2 thuộc thửa đất 377, tờ bản đồ số 1 xã Khánh Khê, không trùng với vị trí và diện tích đất thuộc thửa 73 theo GCNQSDĐ số Q 852887 ngày 06/5/2003 đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn Đ… Lô số 73 nằm ở phía Tây Nam thửa số 377 cách xa phần đất tranh chấp, nằm ở vị trí gần cầu Khánh Khê, không liên quan gì đến lô số 73, 47 bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Khánh Khê năm 1997 và phần diện tích đất 1.566,8m^2 thuộc một phần thửa số 377; Lô số 47 nằm ở phía Tây và tiếp giáp gần với phần đất tranh chấp. Đối chiếu Sổ lâm bạ Lô 47 mang tên Hoàng Văn Đ tại địa danh Hin Khao.

Tại biên bản xem xét thực địa ngày 27-4-2022 tại Đất rừng L xác định: Trên phần đất ông Hoàng Văn B đang quản lý có 01 cây nhãn đường kính gốc 38,6cm. Cây nhãn này được nguyên đơn xác định là ranh giới giữa đất nhà bà N với đất nhà ông T từ ngày xưa sử dụng chung, cách ranh giới đất tranh chấp (cây sở) đến cây nhãn chiều dài là 8,5m, từ điểm G trên sơ đồ đến cây sở dài 13,4m, từ điểm g đến gốc nhãn dài 14m. Điểm A tảng đá đến đường mòn phía dưới là 27m. Qua xem xét phần ranh giới đất tranh chấp với đất nhà ông B không có bụi tre nào.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 09-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1.566,8m^2 tại L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 377 tờ bản đồ số 01 xã K, huyện V. Được xác định theo các điểm ABCDEFG theo sơ đồ đo vẽ khu đất tranh chấp ngày 23-11-2021 kèm theo và toàn bộ tài sản gồm: 71 cây hồi; 73 cây sở; 02 cây tạp (Khảo cài); 09 cây tạp (Khảo cài) đã bị vặn gốc chết. Bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn và những người liên quan phía bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N đòi anh Hoàng Văn K bồi thường 300kg hoa hồi trị giá số tiền là 10.500.000. đồng. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và về quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn anh Hoàng Văn K kháng cáo Bản án sơ thẩm. Bị đơn yêu cầu giải quyết cho bị đơn được quản lý, sử dụng diện tích 1.566,8m² đất tại địa danh rừng L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản là các cây hồi, cây sở có trên diện tích đất nêu trên; yêu cầu bà Hoàng Thị N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Sau khi thụ lý phúc thẩm:

Bị đơn nộp đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 15-7-2022 trình bày bổ sung căn cứ kháng cáo.

Tòa án đã yêu cầu Trạm Khuyến nông huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện V, tỉnh Lạng Sơn) cung cấp tài liệu chứng cứ về dự án PAM (5322), tuy nhiên theo Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện V phúc đáp hiện không thấy có tài liệu lưu trữ liên quan đến cấp cây hồi giống theo dự án PAM (5322) để cung cấp cho Tòa án.

Ngày 27-8-2022, người kháng cáo anh Hoàng Văn K chết, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo là bà Hà Thúy M (Hà Thị M) và

chị Lành Thị Đ; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lành Thị Đ nộp 01 Đơn đề nghị đưa người làm chứng tham gia tại phiên tòa phúc thẩm và 08 Đơn xác nhận của những người làm chứng: Âu Văn X, Lý Thị H, Vy Thị T, Hoàng Văn V, Lê Thị T, Hoàng Văn U, Hoàng Thị D, Âu Văn H.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 1.566,8m² đất tại địa danh rừng L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản là các cây hồi, cây sở có trên diện tích đất nêu trên; yêu cầu bà Hoàng Thị N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn nhất trí với ý kiến nội dung kháng cáo nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nhất trí với nội dung kháng cáo, kháng cáo là có căn cứ bởi bị đơn quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp trên cơ sở: Nguồn gốc đất do ông nội là Lương Văn T để lại, căn cứ vào Biên bản họp gia đình phân chia tài sản ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm Tuất (tức năm 1982). Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn cũng được phân chia đất theo văn bản này và cũng thừa nhận có mặt họp và được ký vào biên bản phân chia. Do đó, không có căn cứ khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của nguyên đơn. Về quá trình quản lý sử dụng, ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn P, ông Hoàng Văn H có đất giáp ranh với đất rừng L đang tranh chấp đều xác định bị đơn có quá trình trồng hồi và quản lý sử dụng cây trên đất. Theo giấy chuyển nhượng rừng hồi giữa ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn B thể hiện tứ cận giáp ranh của thửa đất ông Hoàng Văn B quản lý sử dụng có phía Đông tiếp giáp tranh chấp ghi giáp anh Hoàng Văn H (là anh trai của anh bị đơn Hoàng Văn K), giấy chuyển nhượng này có xác nhận của trưởng thôn và đại diện UBND xã K xác nhận. Ngoài ra, trình bày của nguyên đơn về tứ cận tiếp giáp của thửa đất tranh chấp không đúng với thực tế kết quả xem xét thẩm định tại chỗ. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận nội dung kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi: Biên bản họp gia đình phân chia tài sản năm 1982 không ghi cụ thể diện tích, tứ cận tiếp giáp phần đất nhà bị đơn được chia tại rừng L; qua xem xét thẩm định tại chỗ cũng xác định nhà bị đơn cũng đang có đất tại khu rừng L này, việc biên bản phân chia không có xác nhận của chính quyền địa phương là không có căn cứ pháp lý để đánh giá, xem xét. Trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất, về quá trình sử dụng phù hợp với lời khai của bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Văn C, ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn H tại biên bản xác minh người biết việc của UBND xã K năm 2017, đều xác định gia đình nhà nguyên đơn có canh tác, quản lý đất tranh chấp, rừng của nguyên đơn xen kẽ giữa đất rừng của bị đơn. Lời khai của ông Hoàng Văn Đ là người trực tiếp trông coi khu đất của ông Hoàng Văn T tiếp giáp với đất tranh chấp (nay là đất của ông Hoàng Văn B), ông Đ cho biết sau khi ông Hoàng Văn Đ chết, nhà anh K có rừng ở phía trên nên bắt đầu phát lấn dần xuống đất rừng nhà bà N. Ngoài ra, tại công văn của UBND xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có trình bày trước đây khu đất tranh chấp là nhà bà Hoàng Thị N và ông Hoàng Văn A được canh tác sử dụng trồng ngô. Do đó, có cơ sở xác định nguyên đơn có quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người làm chứng do phía bị đơn yêu cầu có mặt tại phiên tòa gồm: Ông Âu Văn X, bà Lý Thị H, bà Vy Thị T, ông Hoàng Văn V; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đều trình bày: Những người làm chứng đều

đang quản lý, sử dụng đất rừng gần khu đất tranh chấp, để phân định ranh giới đất rừng giữa các chủ đất liền kề thông thường bằng hình thức đào rãnh hào, phân định theo đường khe nước chảy hoặc trồng hàng cây làm ranh giới, nếu trồng hàng cây làm ranh giới thì trồng khoảng cách giữa các cây từ 1m đến 2m.

Người làm chứng bà Vy Thị T trình bày thêm: Bà là vợ ông Hoàng Văn B, nhà bà có đất rừng tiếp giáp với đất tranh chấp. Bà khẳng định đất tranh chấp do anh Hoàng Văn K quản lý sử dụng. Trong quá trình quản lý sử dụng đất, bà có nhìn thấy anh Hoàng Văn K thu hái hồi và quản lý đất trah chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Ngoài lời trình bày về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ, căn cứ chứng minh mình có quyền quản lý sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp. UBND xã K, UBND huyện V đều khẳng định phần diện tích đất tranh chấp gia đình nguyên đơn chưa được giao quyền quản lý sử dụng rừng, đất trồng rừng, cấp GCNQSD đất. Mặt khác, trình bày của nguyên đơn tại các biên bản hòa giải, xác minh đất tranh chấp năm 2017, tại đơn khởi kiện tại Tòa án về diện tích đất tranh chấp, cây trồng trên đất và tứ cận tiếp giáp đất tranh chấp có nhiều mâu thuẫn với kết quả xem xét thẩm định của Tòa án. Việc khai mâu thuẫn có căn cứ xác định nguyên đơn không có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp, không nắm được đất tranh chấp. Việc nguyên đơn cho rằng có một phần nhỏ diện tích nằm gần như hoàn toàn trong diện tích đất bị đơn anh K đang quản lý sử dụng và việc giữa diện tích đất tranh chấp và diện tích đất hiện bị đơn đang quản lý sử dụng không tranh chấp không có ranh giới, mốc giới rõ ràng là không hợp lý.

Trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp của bị đơn là có căn cứ bởi các phía tiếp giáp Bắc, Đông, Nam đất tranh chấp đều là đất bị đơn đang quản lý sử dụng không có tranh chấp. Việc họp gia đình để phân chia tài sản năm 1982 theo trình bày của bị đơn là có căn cứ bởi bản nguyên đơn cũng thừa nhận theo sự phân chia nguyên đơn đã quản lý sử dụng 03 sào ruộng N và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận các cây trên đất tranh chấp so với cây trên phần diện tích bị đơn đang quản lý có sự tương đồng về kích thước, mật độ. Lời khai của bị đơn về các phía tiếp giáp đất tranh chấp phù hợp với hiện trạng sử dụng đất trên thực địa, phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn B và vợ là bà T là người có đất giáp ranh với đất tranh chấp, khẳng định từ trước đến nay chỉ thấy gia đình anh K quản lý sử dụng đất tranh chấp đất của ông bà là nhận chuyển nhượng với ông Hoàng Văn T năm 2019 có lập giấy chuyển nhượng có xác nhận của chính quyền địa

phương UBND xã K, huyện V nêu rõ tứ cận tiếp giáp theo đó phía Đông giáp đất anh Hoàng Văn H (Hoàng Quốc H). Do đó, có cơ sở xác định bị đơn có quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp.

Về chi phí tố tụng, kháng cáo của bị đơn, người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bị đơn, sửa Bán án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 09-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo anh Hoàng Văn K chết. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Hà Thúy M (Hà Thị M), chị Lành Thị Đ, cháu Hoàng Thùy L (sinh năm 2015), cháu Hoàng Phương U (sinh năm 2016). Do 02 con của anh Hoàng Văn K chưa đủ 18 tuổi, vì vậy bà Hà Thúy M (Hà Thị M) và chị Lành Thị Đ tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng do người chết để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bà Hoàng Thị N (Hoàng Thị C1, Hoàng Thị C2), bà Hà Thúy M (Hà Thị M), chị Hoàng Thị D, anh Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị T, anh Hoàng Văn H, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị Đ, chị Hoàng Thị Y, chị Hoàng Thị L, UBND xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy, những người vắng mặt không rõ lý do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; có người vắng mặt đã có người đại diện theo ủy quyền, người kế thừa quyền và nghĩa vụ hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Hoàng Thị Y vắng mặt, hiện không cư trú tại địa phương, không khai báo tạm vắng, Tòa án đã thực hiện niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Do đó, việc vắng mặt của những người nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 1.566,8m² đất tại địa danh rừng L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản là các cây hồi, cây sở có trên diện tích đất; yêu cầu bà Hoàng Thị N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, thấy rằng:

[4] Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày nguồn gốc đất tranh chấp do cha ông để lại. Nguyên đơn trình bày nguồn gốc đất tranh chấp do bố mẹ chồng của nguyên đơn là cụ Hoàng Văn H và cụ Lương Thị K để lại, gia đình nguyên đơn quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ trước năm 1986 và canh tác ổn định đến nay. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ, căn cứ chứng minh về quyền

quản lý sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp. Bị đơn trình bày nguồn gốc đất tranh chấp do ông nội là Lương Văn T để lại. Bị đơn quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là căn cứ vào phần đất bố của bị đơn là ông Hoàng Văn Đ được phân chia theo Biên bản phân chia tài sản lập ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm Tuất (1982). Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng thừa nhận có việc lập biên bản phân chia này, nguyên đơn cũng được phân chia đất và được ký vào biên bản phân chia.

[5] Lời trình bày của nguyên đơn về diện tích đất tranh chấp, cây trồng trên đất và tứ cận tiếp giáp của thửa đất tranh chấp tại các biên bản hòa giải, biên bản xác minh đất tranh chấp năm 2017 mâu thuẫn với kết quả xem xét thẩm định của Tòa án. Cụ thể: Tại biên bản hòa giải ngày 13-8-2017, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 07-11-2021, biên bản xác minh hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07-11-2017 nguyên đơn là người trực tiếp cắm mốc trên thực địa xác định diện tích tranh chấp là 0,2 ha, số cây hồi trên đất khoảng 50 cây. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-10-2021, nguyên đơn lại xác định diện tích đất tranh chấp là khoảng 0,5ha, có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường mòn Bó Nặm; phía Đông giáp rừng ông Hoàng Văn Q, Hoàng Văn H; phía Nam giáp rừng ông Hoàng Văn K, Hoàng Văn H; phía Tây giáp rừng ông Hoàng Văn B. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23-11-2021 xác định diện tích tranh chấp là 1.566,8m²; cây hồi trên đất có 71 cây; tứ cận tiếp giáp phía Đông, phía Nam, phía Bắc đều giáp đất bị đơn anh Hoàng Văn K đang quản lý sử dụng. Trình bày của nguyên đơn về diện tích đất tranh chấp, cây trồng trên đất và tứ cận tiếp giáp có nhiều mâu thuẫn thể hiện nguyên đơn không nắm được diện tích đất tranh chấp, do đó không có căn cứ xác định nguyên đơn bày có quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp.

[6] Lời khai của bị đơn về tứ cận tiếp giáp của thửa đất tranh chấp phù hợp với hiện trạng sử dụng đất trên thực địa, phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn B, bà Vy Thị T là người có đất giáp ranh với đất tranh chấp khẳng định từ trước đến nay chỉ thấy gia đình bị đơn quản lý sử dụng đất tranh chấp. Theo Giấy chuyển nhượng rừng hồi giữa ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn B lập ngày 02-9-2009 cũng thể hiện tứ cận tiếp giáp thửa đất của ông Bát nhận chuyển nhượng có phía Đông giáp đất anh Hoàng Văn H (Hoàng Quốc H) là anh trai của bị đơn, không có phía nào thể hiện tiếp giáp đất của nguyên đơn. Ngoài ra, hiện trạng tiếp giáp phía Đông, phía Nam, phía Bắc của thửa đất tranh chấp đều do phía bị đơn quản lý sử dụng, nguyên đơn cho rằng có một phần nhỏ diện tích nằm gần như hoàn toàn trong diện tích đất của bị đơn quản lý sử dụng và việc giữa diện tích đất tranh chấp và diện tích đất hiện bị đơn đang quản lý sử dụng không tranh chấp không có ranh giới, mốc giới là không hợp lý.

[7] Tại phiên tòa, qua lời khai của những người làm chứng do bị đơn yêu cầu gồm ông Âu Văn X, bà Lý Thị H, bà Vy Thị T, ông Hoàng Văn V đều có đất rừng gần khu đất tranh chấp. Những người làm chứng đều khẳng định để phân định ranh giới đất rừng giữa các chủ đất liền kề thông thường bằng hình thức đào rãnh

hào, phân định theo đường khe nước chảy hoặc trồng hàng cây làm ranh giới, nếu trồng hàng cây làm ranh giới thì trồng khoảng cách giữa các cây từ 1m đến 2m. Việc nguyên đơn cho rằng giữa đất nguyên đơn quản lý sử dụng với đất ông Hoàng Văn B đang quản lý sử dụng có ranh giới là 02 cây nhãn là không phù hợp.

[8] Các đương sự có mặt tại phiên toà đều trình bày cây hồi trên đất trồng từ năm 1986, cây trên đất tranh chấp mọc tương đồng với cây trên đất của thửa đất tiếp giáp xung quanh. Do đó, không cần thiết tạm ngưng phiên toà để tiến hành xem xét thực trạng cây trên đất tranh chấp.

[9] Từ những phân tích trên, xác định bị đơn có quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[10] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với tổng số tiền là 19.014.000 đồng; nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn K và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Hà Thuý M (Hà Thị M), chị Lành Thị Đ; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 09-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ các Điều 105, 107, 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 95, khoản 3 Điều 100, các Điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 160, 161, 163, 164, 169 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 157; Điều 161; Điều 165; khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Hà Thúy M (Hà Thị M) và chị Lành Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp

là 1.566,8m^2 tại L, Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 377 tờ bản đồ số 01 xã K, huyện V. Được xác định theo các điểm ABCDEFG theo sơ đồ đo vẽ khu đất tranh chấp ngày 23-11-2021 kèm theo và toàn bộ tài sản gồm: 71 cây hồi; 73 cây sở; 02 cây tạp (Khảo cài); 09 cây tạp (Khảo cài) đã bị vặn gốc chết. Bà Hà Thúy M (Hà Thị M) và chị Lành Thị Đ có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Buộc nguyên đơn và những người liên quan phía nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị N phải chịu tổng số tiền là 19.014.000 đồng. Xác nhận bà Hoàng Thị N đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thúy M (Hà Thị M), chị Lành Thị Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuệ